UBND PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG
PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/QĐ-KT,HT&ĐT

P. Nguyễn Đại Năng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai dự toán bổ sung kinh phí thực hiện một số nhiệm vụ không thường xuyên

TRƯỞNG PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách nhà nước đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính quy định sửa đổi bổ sung một số điều Thông tư 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của UBND phường Nguyễn Đại Năng về việc phân bổ kinh phí tặng quà bằng tiền mặt của thành phố cho một số đối tượng, chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 24/QĐ-UBND ngày 04/02/2026 của UBND phường Nguyễn Đại Năng về việc phân bổ kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố;

Căn cứ Quyết định số 61/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của UBND phường Nguyễn Đại Năng về việc phân bổ kinh phí hỗ trợ thủy lợi nội đồng trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;

Xét đề nghị chuyên viên phụ trách công tác kế toán.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán bổ sung kinh phí thực hiện nhiệm vụ như sau:

- Dự toán kinh phí tặng quà bằng tiền mặt của thành phố cho một số đối tượng, chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026;

- Dự toán kinh phí để thực hiện Nghị quyết số 36/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của HĐND thành phố;

- Dự toán kinh phí hỗ trợ thủy lợi nội đồng trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2026;

(có biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Lãnh đạo, công chức, người lao động thuộc Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT,KT./.

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ

Trần Thị Hoa

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính

PHÒNG KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ PHƯỜNG NGUYỄN ĐẠI NĂNG

Chương: 831

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026

(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/QĐ-KT,HT&ĐT ngày 13/02/2026 của Phòng Kinh tế, hạ tầng và đô thị phường Nguyễn Đại Năng

ĐVT: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
I	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**	
1	**Số thu phí, lệ phí**	
1.1	Lệ phí	
1.2	Phí	
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
2.1	**Chi sự nghiệp**	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**21.600.000**
1	***Chi quản lý hành chính (mã ngành 341)***	***21.600.000***
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	21.600.000
	Kinh phí thực hiện Nghị quyết 36/2025/NĐ-HĐND thành phố	21.600.000
1.3	Kinh phí thực hiện chế độ khen thưởng	
2	***Nghiên cứu khoa học***	***0***
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	***Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề***	***0***
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
4	***Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình***	***0***
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	***Chi bảo đảm xã hội (mã ngành 398)***	***112.600.000***
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (mã nguồn 12)	112.600.000

	Kinh phí tặng quà bằng tiền mặt của thành phố cho một số đối tượng, chính sách nhân dịp Tết Nguyên đán Bính Ngọ năm 2026	112.600.000
6	***Chi hoạt động kinh tế***	***0***
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (mã nguồn 12)	
	Nông nghiệp, thủy lợi, môi trường (mã ngành 281)	878.999.716
7	***Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Mã ngành 261)***	***0***
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	***Chi sự nghiệp văn hóa thông tin***	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	***Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn***	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	***Chi sự nghiệp thể dục thể thao***	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
11	***Chi Chương trình mục tiêu***	
1	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
2	Chi Chương trình mục tiêu	
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)	

P. Nguyễn Đại Năng, ngày 13 tháng 02 năm 2026

PHỤ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
KINH TẾ, HẠ TẦNG VÀ ĐÔ THỊ
P. NGUYỄN ĐẠI NĂNG - T.P HẢI PHÒNG

TRƯỞNG PHÒNG

TRẦN THỊ HOA